

Bản án số: 22/2018/DS-ST

Ngày: 18 – 4 – 2018.

V/v tranh chấp công nhận hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Tân.

Bà: Võ Hân Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2017/TLST – DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-DS ngày 14/3/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Văn A, sinh năm 1941 (*Có mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông L, sinh năm 1990; cư trú tại ấp X, thị trấn H, huyện R, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của ông A (*Văn bản ủy quyền ngày 16/4/2018*). Ông L có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lý Văn B, sinh năm 1944 (*Có mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Thị T, sinh năm 1975 (*Vắng mặt*).

2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1979 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Lý Thị M (*Vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà Lý Thị I (*Vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã K, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bà Lý Thị L (*Vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà Lý Thị X (*Vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lý Văn E, sinh năm 1952 (*Vắng mặt*).

2. Ông Lý Văn C, sinh năm 1961 (*Vắng mặt*).

3. Ông Nguyễn Thanh G (*Vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Lý Văn O, sinh năm 1952 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã K, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2017, nguyên đơn ông Lý Văn A trình bày như sau:

Vào ngày 17/5/1998, ông có nhận chuyển nhượng đất ruộng của em ruột ông tên Lý Văn B có diện tích khoảng 09 công tầm cây, thửa số 684, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện R (*Nay là thị xã N*), tỉnh Sóc Trăng, phần đất này do cháu ruột ông tên Lý Thị T (*Là con ruột của ông B*) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; với số vàng sang nhượng mỗi công là 08 chỉ vàng 24k x 09 công = 7,2 cây vàng 24k. Tại thời điểm chuyển nhượng phần đất này, vợ của ông B là bà Lê Thị U (*Đã chết*) và tất cả các người con của ông B gồm: Lý Thị M, Lý Thị I, Lý Thị T, Lý Thị L và Lý Thị X đều biết và chứng kiến, trong đó có cháu gái tên Lý Thị M có tham gia cùng ông B nhận vàng từ ông.

Lúc ông B sang nhượng đất cho ông thì có em ruột ông tên Lý Văn O, ông Trần Thanh G và em ruột tên Lý Văn biết và chứng kiến.

Lúc chuyển nhượng ông biết phần đất này là của cha mẹ ông cho ông B, còn có đăng ký giấy chứng nhận chưa thì ông không biết, mãi đến sau này ông mới biết phần đất này do bà Lý Thị T là con ông B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã nhiều lần yêu cầu ông B chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho ông, thì ông B cũng đồng ý nhưng bà T đứng ra ngăn cản, với lý do trước đây vào năm 2004, ông có đến liên hệ Ủy ban nhân dân xã T để tiến hành làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho ông thì bà T và ông B cũng đồng ý, khi đến Ủy ban nhân dân xã T thì bà T đồng ý ký tên vào biên bản xác minh ranh giới, mốc giới, nguồn gốc đất, nhưng đến khi tiến hành các thủ tục khác thì Ủy ban nhân dân xã yêu cầu phải có mặt chồng của bà T thì mới tiến hành làm các thủ tục khác được, từ đó bà T đổi ý, không đồng ý tiếp tục ký thủ tục sang tên cho ông nữa. Do đó, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét, giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất giữa ông với ông Lý Văn B, phần đất ruộng có diện tích 09 công tầm cây, thửa 684, tờ bản đồ số 01, hiện nay đất tọa lạc tại ấp Tân C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L cho rằng khi đến Ủy ban nhân dân xã T làm thủ tục tách quyền sử dụng đất thì bà T đưa ông A cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay và khi tiến hành thẩm định, đo đạc phần đất tranh chấp thì cạnh giáp với ông Võ Văn Đ (*Ông Võ Văn S đang sử dụng*) thì chưa thống nhất ranh (*Đường bờm nước*) có chiều ngang là 0,5m, chiều dài là 59,5m, tổng diện tích 29,5m², phần này ông không yêu cầu mà để tự thỏa thuận sau với ông Đ, ông S và không yêu cầu đưa ông Đ, ông S vào tham gia tố tụng. Nay ông yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông Lý Văn B, phần đất ruộng có diện tích theo đo đạc thực tế là 11.347,9m², thửa 684, tờ bản đồ số 01, hiện nay đất tọa lạc tại ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đồng ý chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thay ông B.

- Tại tờ tường trình ngày 06/12/2017, bị đơn ông Lý Văn B trình bày:

Nguyên trước đây vào năm 1960 ông cưới vợ tên Lê Thị U (*Đã chết*), nên cha mẹ ông có cho phần đất ruộng có diện tích khoảng 11,4 công tầm cây, tương đương 14.745m², thuộc thửa 684, tờ bản đồ số 01, tại ấp C, xã T, huyện R (*Nay là thị xã N*), tỉnh Sóc Trăng. Sau khi được cha mẹ cho đất thì ông canh tác đến khoảng năm 1968 ông gia nhập Tiểu đoàn trinh sát Quân Khu 9 để giúp nước bạn Campuchia, sau đó ông trở về canh tác trên phần đất này cho đến ngày ông sang nhượng lại cho ông A. Do khi chính quyền tiến hành thống kê để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông vắng mặt, nên để con gái ông tên Lý Thị T đứng tên thay ông và được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 18/9/1993, thực tế Lý Thị T không có đất và cũng không có sử dụng phần đất này.

Đến ngày 17/5/1998, ông sang nhượng cho ông A 09 công tầm cây, với giá mỗi công tầm cây là 08 chỉ vàng 24k, tổng cộng là 7,2 cây vàng 24k và ông đã nhận đủ vàng và ông đã giao đất cho ông A từ ngày 17/5/1998 cho đến nay. Đến ngày 27/9/2004, ông và con gái tên T có bàn bạc và thống nhất với nhau đến Ủy ban nhân dân xã T để làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho ông A, bà T đồng ý nhưng sau đó đổi ý nên không tách được.

Tại phiên tòa, ông cho rằng khi làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho ông A thì Lý Thị T giao quyền sử dụng đất cho ông A cho đến nay. Ông vẫn giữ nguyên ý chí là tiếp tục sang nhượng phần đất theo giấy sang nhượng lập ngày 17/5/1998 với ông A, phần đất ruộng có diện tích 09 công tầm cây, theo diện tích đo đạc thực tế, thửa 684, tờ bản đồ số 01, hiện nay tọa lạc tại ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Tại biên bản lấy khai ngày 12/3/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ bà và các anh chị em cùng nhau canh tác, lúc đó thì cha bà (*Ông B*) cũng sống chung với mẹ bà (*Lê Thị U*), nhưng cha bà đi làm việc không có canh tác phần đất tranh chấp, phần đất tranh chấp là do mẹ bà khai phá, khoảng trước năm 1980 thì cha bà bỏ mẹ bà đi về Thới Lai, Ô Môn sống với vợ khác, đến khoảng cuối năm 1990 mẹ bà chết thì một thời gian sau cha bà có về ở, lúc mẹ bà chết thì chưa có bằng khoán, vì vậy bà được sự thống nhất của các anh chị em, nên bà

đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993. Khi cha bà về thì bà thấy cha bà khó khăn quá nên bà mới cho cha bà mượn đất làm kiếm lúa ăn, làm được một thời gian thì đòi cõ hết phần đất cho ông A, bà cũng đồng ý nghĩ vài năm sẽ chuộc trả lại cho bà, nhưng cha bà lấy đất sang bán cho ông A lúc nào bà cũng không biết; đất là của bà đứng tên giấy chứng nhận mà không hỏi ý kiến của bà nên bà không đồng ý tách quyền sử dụng đất cho ông A, nay bà không yêu cầu gì hết cũng không đồng ý tách quyền sử dụng đất cho ông A.

- *Tại biên bản lấy khai ngày 12/3/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Lý Thị T.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn A về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 17/5/1998. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn đồng ý chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị T, ông Trần Văn N, bà Lý Thị M, bà Lý Thị I, bà Lý Thị L, bà Lý Thị X đều vắng mặt không rõ lý do; những người làm chứng ông Lý Văn E, ông Lý Văn C, ông Nguyễn Thanh G, ông Lý Văn O vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó, HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vừa nêu.

[2] Theo đơn khởi kiện, ông Lý Văn A yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) ruộng giữa ông với ông Lý Văn B lập ngày 17/5/1998, có diện tích là 09 công tầm cây, theo đo đạc thực tế là 11.347,9m², với giá 7,2 cây vàng 24k, thuộc thửa 684, tờ bản đồ số 01, hiện nay đất tọa lạc tại ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Còn ông B thì cũng đồng ý theo nội dung trình bày của ông A và đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ lập ngày 17/5/1998 đối với phần đất nêu trên; đây là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bên cạnh đó, có những người làm chứng gồm: Ông Lý Văn E, ông Lý Văn C, ông Nguyễn Thanh G, ông Lý Văn O đều xác định ông B có sang nhượng cho ông A phần đất như đã nêu trên. Do đó, HĐXX xác định phía bị đơn ông B có chuyển nhượng cho ông A phần đất ruộng có diện tích là 09 công tầm cây, theo đo đạc thực tế có diện tích 11.347,9m², thửa 684, tờ bản đồ số 01, hiện nay đất tọa lạc tại ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Việc sang nhượng QSDĐ giữa ông A với ông B có lập thành văn bản, những người tham gia giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên; mục đích và nội dung của hợp đồng chuyển nhượng không trái với pháp luật và đạo đức xã hội. Mặc dù, hợp đồng chuyển nhượng chưa được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; nhưng phần đất chuyển nhượng đã được cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 18/9/1993. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông A với ông B lập ngày 17/5/1998 phù hợp với quy định tại điểm b.1 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có đủ điều kiện để được công nhận, để người nhận chuyển nhượng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 166 và khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên của người thứ ba là bà Lý Thị T (*Con ruột của ông B*); bà T cho rằng cha bà lấy đất sang bán cho ông A lúc nào bà cũng không biết, đất là của bà đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ mà không hỏi ý kiến của bà nên bà không đồng ý tách quyền sử dụng đất cho ông A, nhưng bà không yêu cầu đòi lại đất và cũng không có yêu cầu gì khác; trong khi đó, theo ông B xác định bà T không có đất và cũng không có sử dụng phần đất đó, bà T chỉ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ thay cho ông; từ khi ông B sang nhượng đất cho ông A đến nay thì bà T vẫn có mặt ở địa phương, bà T không có ý kiến phản đối hay tranh chấp; đến ngày 27/9/2004, ông B và bà T thống nhất tách QSDĐ cho ông A nên đã ký vào biên bản xác minh ranh giới, mốc giới, nguồn gốc thửa đất, nhưng sau đó bà T đổi ý và hiện nay giấy chứng nhận QSDĐ bản chính đã giao cho ông A cất giữ. Do đó, có đủ căn cứ xác định bà T chỉ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ chứ không phải đất của bà T; việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà T vào năm 1993 là cấp đại trà không đúng chủ sử dụng đất, nên kiến nghị đến Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà Lý Thị T vào ngày 18/9/1993, phần đất thuộc thửa số 684, tờ bản đồ số 01, có diện tích theo QSDĐ là 14.745m².

[4] Qua thẩm định, đo đạc phần đất tranh chấp thì cạnh giáp với ông Võ Văn Đ (*Ông Võ Văn S đang sử dụng*) thì chưa thống nhất ranh (*Đường bom nước*) có chiều ngang là 0,5m, chiều dài là 59,5m, tổng diện tích 29,5m², phần này ông A không yêu cầu mà để tự thỏa thuận sau với ông Đ, ông S và không yêu cầu đưa ông Đ, ông S vào tham gia tố tụng. Nên HĐXX không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của ông A được chấp nhận, nên ông B phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.482.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tuy nhiên, tại phiên tòa ông A đồng ý chịu số tiền này, nên ghi nhận ý kiến tự nguyện của ông A. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông A được HĐXX chấp nhận nên bị đơn ông B phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Tuy nhiên, ông B thuộc diện người cao tuổi, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

miễn tiền án phí cho ông B. Nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không phải chịu tiền án phí.

[7] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn A về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 17/5/1998. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn đồng ý chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn. Xét thấy, đề nghị trên của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là có căn cứ như vừa nhận định ở phần trên, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 166 và khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lý Văn A với ông Lý Văn B lập ngày 17/5/1998, với diện tích là 09 công tằm cây, theo đo đạc thực tế có diện tích là 11.347,9m², thuộc thửa 684, tờ bản đồ số 01, hiện nay tọa lạc tại ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp ông Phạm Văn P, có số đo 191m. Hướng tây giáp với bờ kênh thủy lợi, có số đo 193,7m. Hướng nam giáp với Phạm Văn P, có số đo 59,5m. Hướng bắc giáp với ông Võ Văn Đ (*Ông Võ Văn S đang sử dụng*), có số đo 59,5m.

2. Kiến nghị đến Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà Lý Thị T vào ngày 18/9/1993, phần đất thuộc thửa số 684, tờ bản đồ số 01, hiện nay tọa lạc tại ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có diện tích theo QSDĐ là 14.745m².

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền 3.482.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng*) ông Lý Văn A đồng ý chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Lý Văn B được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn